

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 105/2020/HS-ST

Ngày 22 - 9 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chế Thị Mai và bà Y Blur.

- Thư ký phiên tòa: Ông A Dáo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 99/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Y Đ.Tên gọi khác: L. Sinh ngày 10/02/2002, tại K. Nơi cư trú: Thôn K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A T, sinh năm 1974 và bà Y X, sinh năm 1983; bị cáo chưa có chồng; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/6/2020 đến nay “có mặt”.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Đỗ Thành T1, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Số nhà N, đường T, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

+ Anh Đặng Thế V, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số nhà M, đường N, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

+ Anh Trần Văn T2, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14h00 ngày 01/6/2020 Y Đ (SN: 10/02/2002; HKTT: thôn K , P. T, TP. K) đang ngồi chơi điện tử ở quán Internet tại thôn K , xã Đ, TP. K thì gặp

A T3 (SN: 1997) và A T4 (SN: 1996) cùng có HKTT: thôn K , xã Đ, TP. K), lúc này Y Đ rủ A T3 và A T4 góp tiền để mua ma túy về sử dụng thì A T3 và A T4 đồng ý. A T3 đưa cho Y Đ 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), A T4 góp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) còn Y Đ góp 100.000đ (một trăm ngàn đồng) tổng cộng được số tiền 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Sau khi có tiền thì Y Đ cất và đón xe taxi để đi mua ma túy. Khoảng 14h30' cùng ngày, Y Đ đi xe taxi đến ngã tư H + V, P. Q, TP. K để tìm một người tên N (không rõ lai lịch) và mua ma túy. Khi đến nơi Y Đ thấy N đang đứng bên đường nên nói xe taxi chạy lại gần chỗ N đứng rồi xuống xe và đi đến hỏi N: “Anh có đồ không để cho em 500.000đ” (Anh có ma túy không bán cho em 500.000đ) thì N đồng ý và đưa cho Y Đ 01 (một) gói ma túy và cầm tiền bỏ đi. Sau khi có được ma túy thì Y Đ cất trong túi xách màu đen của mình rồi nói xe taxi chở Y Đ xuống nhà C (không rõ lai lịch) ở đường Đ - P. T – TP. K chơi nhưng không có C ở nhà. Tại đây Y Đ gặp Trần Văn T2 (SN: 1997; HKTT: thôn 6 – xã T – huyện K – tỉnh Kon Tum) là bạn của C nên Y Đ nhờ T2 chờ về nhà tại thôn K – P. T – TP. K để thay đồ. T2 điều khiển xe mô tô BKS: 82B1-238.27 chở Y Đ, đến khoảng 15h30' ngày 01/6/2020 khi Y Đ và T2 đi đến đoạn đường ngã ba Đ + T, P. T , TP. K thì bị lực lượng cảnh sát trật tự phòng PC06 – Công an tỉnh Kon Tum yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra lực lượng Công an bắt quả tang Y Đ cất giấu 01 (một) gói ma túy trong ví màu đỏ bên trong túi xách màu đen đeo trên người của Y Đ.

Tại bản kết luận giám định số 107/KLGD-PC09 ngày 04/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận: Mẫu chất tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu M) được niêm phong tại phong bì ký hiệu “M” gửi giám định là **ma túy**, có khối lượng là: **0,482 gam** (không thấy bốn trăm tám mươi hai gam), là loại: **Methamphetamine**.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã thu giữ: 01 gói chất tinh thể màu trắng là loại ma túy **Methamphetamine**, có khối lượng là **0,482 gam** (không thấy bốn trăm tám mươi hai gam), số ma túy sau khi giám định hoàn lại **0,441 gam** (không thấy bốn trăm bốn mươi một gam) cùng bao gói mẫu vật trong phong bì số 107/KLGD-PC09 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Kon Tum; 01 (một) điện thoại di động hiệu BIRD màu đỏ, đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 (một) ví màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 (một) túi xách màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô BKS: 82B1-238.27, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong. Đối với xe mô tô Cơ quan CSĐT – Công an thành phố K thu giữ, đã xác định được chủ sở hữu hợp pháp là ông Đỗ Thành T1 (SN: 1976; HKTT: 07 T, P. T, TP. K), anh T1 đã cho Đặng Thê V (SN:1988; HKTT: 07 N, P. T, TP. K), anh V đã mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại sau đó đem xe mô tô này giao cho Trần Văn T2 (SN: 1997; HKTT: thôn 6, xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum) sử dụng, T2 đã chở Y Đ nhưng không biết Đ tàng trữ ma túy nên Cơ quan CSĐT – CATP K trả lại xe mô tô trên cho ông Đỗ Thành T1. Các vật chứng còn lại đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự thành phố K xử lý theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số: 108/CT-VKSTPKT ngày 26/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Y Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng cũng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Y Đ từ 16 đến 18 tháng tù. Về vật chứng vụ án đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa xét xử, bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về vấn đề dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua phân xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Vào ngày 01/6/2020 Y Đ ngồi chơi điện tử ở quán Internet tại thôn K – xã Đ, TP. K thì gặp A T3 và A T4 nên đã rủ A T3 và A T4 góp tiền để mua ma túy về sử dụng chung. Sau đó Y Đ đón xe taxi đến ngã tư H + H , phường Q, TP. K để tìm một người tên N để mua ma túy với mục đích cất giấu để sử dụng, khi bị cáo đang cất giấu trong túi xách màu đỏ bỏ trong túi màu đen treo trên người thì bị bắt quả tang, gồm 01 gói chất ma túy có khối lượng **0,482 gam** (*không thấy bốn trăm tám mươi hai gam*), được giám định kết luận là loại **Methamphetamine**.

[3] Khi thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, loại ma túy bị cáo tàng trữ là loại **Methamphetamine** có khối lượng được xác định là **0,482 gam** (*không thấy bốn trăm tám mươi hai gam*), loại ma túy này được quy định trong danh mục thuộc Nghị định số: 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính phủ bị cấm tàng trữ, khối lượng ma túy đã đủ định lượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Hành vi đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến các quy định về chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với việc cất giữ các chất ma túy, không những vậy việc bị cáo tàng trữ sử dụng sẽ gây

tổn hại cho sức khỏe của chính bản thân bị cáo, bên cạnh đó còn có thể gây lên hậu quả khó lường trước đối với mọi người, vì vậy gây nên dư luận xấu và hoang mang cho nhân dân địa phương. Bị cáo khai bị cáo là người khởi sự, đã rủ các đối tượng là A T3 và A T4 cùng góp tiền mua ma túy với mục đích sử dụng chung, nhưng hiện tại A T3 và A T4 không có mặt tại nơi cư trú nên chưa xác định được có việc góp tiền chung mua ma túy hay không mà nên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, từ đó căn cứ vào tính chất mức độ hành vi của bị cáo để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội cần phải xét xử để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Y Đ không ai phải chịu tình tiết nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tình tiết này được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo thành người công dân sống có ích cho xã hội.

Trên cơ sở xem xét toàn diện về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thì Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân sống lương thiện.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[6] Đối với đối tượng tên N bán ma túy cho bị cáo và , người lái tắc xi chở bị cáo đi mua ma túy chưa xác định được lai lịch cụ thể nên chưa có cơ sở để xử lý, tiếp tục điều tra; đối với A T3 và A T4 là người mà bị cáo cho rằng đã góp tiền chung với bị cáo để bị cáo đi mua ma túy nhưng chưa xác định được họ đang ở đâu nên Cơ quan Điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ nếu có căn cứ khởi tố giải quyết sau là phù hợp. Đối với anh Đỗ Thành T1 là chủ sở hữu xe mà xe đó bị cáo đã đi nhờ khi mang trên người ma túy, xe này anh T1 cho anh Đặng Thế V1 sử dụng, anh V1 giao xe cho anh Trần Văn T2 sử dụng và là người chở bị cáo khi bị cáo đang cất giữ trên người ma túy nhưng tất cả họ đều không biết hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan Điều tra không khởi tố là đúng pháp luật nên không đề cập đến nữa.

[7] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy số ma túy sau khi giám định hoàn lại **0,441 gam** (*không phải bốn trăm bốn mươi một gam*) cùng bao gói mẫu vật trong phong bì số 107/KLGD-PC09 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Kon Tum; 01 (một) ví màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 (một) túi xách màu đen đều là tài sản của bị cáo dùng làm công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng. Trả lại bị cáo

Y Đ 01 (một) điện thoại di động hiệu BIRD màu đỏ, đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong). Đối với mô tô của anh T1, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho anh T1 nên không đề cập đến nữa.

[8] Về vấn đề dân sự: Anh T1, anh V1, anh T2 đều không có yêu cầu gì về vấn đề dân sự nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Y Đ (L) phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y Đ (L) 16 (*Mười sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 01/6/2020.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy sau khi giám định hoàn lại **0,441 gam** (*không phải bốn trăm bốn mươi một gam*) cùng bao gói mẫu vật trong phong bì số 107/KLGD-PC09 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Kon Tum; 01 (một) ví màu đỏ; 01 (một) túi xách màu đen. Trả lại bị cáo Y Đ (L) 01 (một) điện thoại di động hiệu BIRD màu đỏ. (Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/8/2020 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

- Về án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Áp dụng Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Y Đ (L) phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tỉnh Kon Tum để xin xét xử phúc thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (22/9/2020); Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;
- VKSND Tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan điều tra TP Kon Tum;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Kon Tum;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Hồng Dung

